**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**BÀI 18: NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên Trung Quốc

- Chủ động tích cực sưu tầm, tìm hiểu đặc điểm cơ bản về tự nhiên Trung Quốc

- Xác định vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ, cành quan thiên nhiên của Trung Quốc.

Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Ham học hỏi tim tòi để mở rộng sự hiểu biết về tư liệu địa lí.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (4’)** |  |
| - GV cho HS xem hình 1 và cho biết con vật này là đặc trưng của đất nước nào? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về đất nước đó. | - Cả lớp quan sát, trả lời: Con gấu trúc là đặc trưng của Trung Quốc. Đây là một nước rộng lớn, có số dân đông nhất thế giới, có Vạn Lý Trường Thành,... |
| - GV mời một số học sinh trình bày | - 1 số HS trình bày. |
| - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: | - HS lắng nghe, viết tên bài vào vở. |
| **2. Hình thành kiến thức mới (17’)** |  |
| **a, Vị trí địa lí** |  |
| **-** GV yêu cầu hs đọc thông tin, xác định vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ và trả lời câu hỏi | - HS lên bảng chỉ. |
| + Diện tích của Trung Quốc là bao nhiêu? | - HS trả lời câu hỏi: + Diện tích của Trung Quốc là 9,6 triệu km2 |
| + Diện tích của Trung Quốc đứng thứ mấy trên thế giới? | + Diện tích của Trung Quốc đứng thứ tư trên thế giới? |
| + Lãnh thổ Trung Quốc tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia? | + Lãnh thổ Trung Quốc tiếp giáp với nhiều quốc gia |
| + Phía Đông phần đất liền của Trung Quốc tiếp giáp với đại dương nào? | + Phía Đông phần đất liền của Trung Quốc tiếp giáp với Thái Bình Dương |
| - GV mời HS báo cáo kết quả. | - HS lên bảng chỉ. |
| - GV nhận xét, tuyên dương. |  |
| **b, Đặc điểm tự nhiên** |  |
| - GV cho HS đọc thông tin và qs hình 3, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi. | - HS đọc thông tin và quan sát hình 3, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, thảo luận và đại diện nhóm trình bày |
| + Địa hình chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc là gì? | + Địa hình chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc là núi thấp và đồng bằng châu thổ rộng lớn. |
| + Khí hậu ở miền Đông thay đổi như thế nào? | + Khí hậu ở miền Đông thay đổi theo chiều Bắc – Nam, từ ôn đới sang cận nhiệt. |
| + Các loại đất chính ở Miền Đông là gì? | + Các loại đất chính ở Miền Đông là feralit và đất phù sa. |
| + Địa hình miền Tây Trung Quốc có đặc điểm như thế nào? | + Địa hình miền Tây Trung Quốc là dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa. |
| + Khí hậu ở miền Tây có đặc điểm như thế nào? | + Khí hậu ở miền Tây có đặc điểm khắc nghiệt, mưa ít. |
| + Kể tên các đồng bằng miền Đông Trung Quốc theo thứ tự bắc xuống nam. | - HS kể tên các đồng bằng. |
| + Đồng bằng nào phải chịu nhiều thiên tai lụt lội nhất ở miền Đông Trung Quốc. | + Đồng bằng nào phải chịu nhiều thiên tai lụt lội nhất ở miền Đông Trung Quốc là Hoa Nam. |
| - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. | - HS lắng nghe, thảo luận và đại diện nhóm trình bày |
| - GV nhận xét, tuyên dương. |  |
| **3. Luyện tập, thực hành (10’)** |  |
| So sánh đặc điểm địa hình và khí hậu của miền Đông với miền Tây bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu sau vào vở. | |
| - GV cho HS hoàn thành bảng trên theo nhóm 4. | - HS thảo luận, trình bày theo bảng dưới. |
| - GV nhận xét. | - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm (4’)** |  |
| - GV cho HS chia sẻ về đất nước Trung Quốc. | - HS chia sẻ về đất nước Trung Quốc. |
| - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) | - Học sinh tham gia chia sẻ. |
| - Nhận xét sau tiết dạy. | - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| - Dặn dò về nhà. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (nếu có)**

======================================

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**BÀI 18: NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về dân cư Trung Quốc.

- Trính bày các công trình tiêu biểu của Trung Quốc.

- Chia sẻ những hiểu biết về một công trình lớn của Trung Quốc.

- Chủ động tích cực sưu tầm, tìm hiểu đặc điểm cơ bản về dân cư , công trình tiêu biểu Trung Quốc

- Nêu được công trình đặc sắc của Trung Quốc

- Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người vị trí dân cư, công trình của Trung Quốc.

Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Ham học hỏi tim tòi để mở rộng sự hiểu biết về tư liệu địa lí.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (4’)** |  |
| - GV xem một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc và hỏi các em có biết đây là ở quốc gia nào không? Em biết những công trình khác không của đất nước này không? | - Cả lớp quan sát, trả lời: Của Trung Quốc. Đây là một nước rộng lớn, có Vạn Lý Trường Thành, tháp Quảng Châu, cung điện Potala... |
| - GV mời một số học sinh trình bày | - HS lắng nghe. |
| - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: | - HS lắng nghe, viết tên bài. |
| **2. Hình thành kiến thức mới (14’)** |  |
| ***a, Dân cư*** |  |
| **- GV yêu cầu hs** đọc thông tin và trả lời câu hỏi | - HS đọc thông tin. |
| + Số dân của Trung Quốc năm 2021 là bao nhiêu? | - HS trả lời câu hỏi: + Số dân của Trung Quốc năm 2021 là 1,4 tỉ. |
| + Số dân của Trung Quốc đứng thứ mấy trên thế giới? | + Số dân của Trung Quốc đứng thứ tư thế giới |
| + Trung Quốc có bao nhiêu dân tộc? | + Trung Quốc có 56 dân tộc. |
| + Dân tộc Hán chiếm bao nhiêu phần trăm dân số? | + Dân tộc Hán chiếm hơn 90% dân số? |
| + Dân cư ở Trung Quốc phân bố như thế nào? | + Dân cư ở Trung Quốc phân bố không đều, tập trung đông đúc ở miền Đông và thưa thớt ở miền Tây |
| + Vì sao dân cư chủ yếu tập trung ở miền Đông Trung Quốc? | + Dân cư chủ yếu tập trung ở miền Đông Trung Quốc vì nơi đây là đồng bằng, có điều kiện phát triển kinh tế. |
| + Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ suất gia tăng dân số tư nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm? | + Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ suất gia tăng dân số tư nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm là do tiến hành chính sách dân số rất triệt để. |
| - GV mời HS báo cáo kết quả. | - HS báo cáo kết quả. |
| - GV nhận xét, tuyên dương. | **-** HS lắng nghe. |
| ***b, Một số công trình tiêu biểu ở Trung Quốc*** |  |
| GV cho HS đọc thông tin và quan sát hình 4, 5 thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: | - HS đọc |
| + Kể tên một số công trình tiêu biểu ở Trung Quốc và mô tả công trình em ấn tượng nhất | - HS lắng nghe, thảo luận và đại diện nhóm trình bày |
| + Kể lại một câu chuyện liên quan đến Vạn Lý Trường Thành hoặc Cố cung Bắc Kinh | + Vạn Lý Trường Thành, tháp Quảng Châu, cung điện Potala , cố cung Bắc Kinh |
| - GV mời đại diện các nhóm trình bày, kể chuyện các nhóm nhận xét lẫn nhau. | + Tiếng khóc của nàng Mạnh Khương, Nguyễn An – người chỉ dạo xây dựng Cố cung Bắc Kinh |
| - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe. |
| **3. Luyện tập, thực hành (13’)** |  |
| - GV cho HS giới thiệu về công trình kiến trúc tiêu biểu Trung Quốc theo các gợi ý sau: | - HS thảo luận, trình theo nhóm |
| + Thời gian:  + Địa điểm:  - Điểm nổi bật: | **Tử Cấm Thành** hay Cố Cung, là hệ thống các cung điện nằm tại Đông Thành (Bắc Kinh), được xây dựng từ năm 1406 – 1420. Cố Cung có bề dày lịch sử lên đến 500 năm, trải dài qua 2 triều đại Minh – Thanh. Bao bọc quanh Tử Cấm Thành là đền hoàng gia và nhiều khu vườn rộng lớn. Phía bên trong có Công viên Trung Sơn rộng trên 50 mẫu, Công viên Cảnh Sơn rộng gần 58 mẫu, công viên Bắc Hải rộng 171 mẫu. |
| - GV nhận xét. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm (4’)** |  |
| - GV cho HS chia sẻ về hình ảnh, đặc điểm của công trình tiêu biểu khác của đất nước Trung Quốc. | - Học sinh tham gia chia sẻ. |
| - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) |  |
| - Nhận xét sau tiết dạy. | - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| - Nhắc HS về nhà tìm hiểu sự phát triển của đất nước Trung Quốc trong những năm gần đây. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (nếu có)**

=============================================